

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4474/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã: Khổng Lào, Phong Thổ, Mường Than, Pa Tần, Sìn Hồ, Sin Suối Hồ, tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan đối với các mỏ khoáng sản nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến năm 2026; trường hợp trong giai đoạn năm 2025 đến năm 2026 chưa tổ chức đấu giá hết các khu vực mỏ theo kế hoạch được phê duyệt, thì khu vực mỏ chưa tổ chức đấu giá hoặc đấu giá không thành công sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản các năm tiếp theo.

3. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm. Trường hợp nguồn kinh phí được giao không đảm bảo để thực hiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bổ sung kinh phí để thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Khổng Lào, Phong Thổ, Mường Than, Pa Tần, Sìn Hồ, Sin Suối Hồ; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V2;
- Lưu: VT, Kt7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Thực hiện cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15.

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế. Đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư có năng lực khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu

- Khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch khoáng sản, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; trường hợp chưa có các quy hoạch nêu trên thì phải phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh, được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã.

- Loại khoáng sản tổ chức đấu giá quyền khai thác phải đúng thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác đảm bảo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

II. Nội dung

1. Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò, gồm:

- Mỏ đá hoa Bản Lang 2, xã Không Lào, diện tích 30,1 ha;
- Mỏ đá hoa Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, diện tích 14,8 ha;
- Mỏ cát sỏi Lòng hồ thủy điện Bản Chát thuộc xã Mường Than, diện tích 22,1 ha;
- Mỏ cát Sông Nậm Na, xã Phong Thổ và xã Không Lào, diện tích 7,9 ha;

- đ) Mỏ cát Pa Tần 1 sông Nậm Na, xã Pa Tần, diện tích 6,94 ha;
- e) Mỏ cát Pa Tần 2 sông Nậm Na, xã Pa Tần, diện tích 4,4ha;
- g) Mỏ Cát sông Nậm Na thuộc xã Pa Tần và xã Sìn Hồ, diện tích 15,7 ha.

(Có tọa độ các điểm khép góc tại phụ lục kèm theo)

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến năm 2026, trường hợp trong năm 2025-2026 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản hết các mỏ theo kế hoạch được phê duyệt, thì khu vực mỏ chưa tổ chức đấu giá hoặc đấu giá không thành công sẽ được chuyển sang đấu giá trong các năm tiếp theo.

4. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm. Trường hợp nguồn kinh phí được giao không đảm bảo để thực hiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bổ sung kinh phí để thực hiện.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tổ chức lựa chọn và hợp đồng thuê đơn vị tư vấn lập đề án, thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản, lập báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản (*trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng*) theo quy định hiện hành phục vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan xác định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiêu chí về vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ được phê duyệt.

c) Lựa chọn và hợp đồng thuê tổ chức đấu giá chuyên nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

d) Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo kết quả trúng đấu giá; trình phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

2. Các sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã: Không Lào, Phong Thổ, Mường Than, Pa Tần, Sìn Hồ, Sìn Suối Hồ theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC:
TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH CÁC KHU VỰC ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CHƯA THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số
...../QĐ-UBND ngàytháng năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Địa điểm	Khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 103°, múi chiếu 3°		Diện tích (ha)	Ghi chú
				X	Y		
1	Mỏ đá hoa Bản Lang 2, xã Khổng Lào	Đá ốp lát	1	2502720,64	537166,58	30,1	
			2	2502836,52	537008,01		
			3	2502744,99	536746,23		
			4	2502940,54	536711,60		
			5	2502954,79	536580,40		
			6	2503064,93	536441,91		
			7	2502933,97	536073,66		
			8	2502413,97	536745,68		
2	Mỏ đá hoa Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ	Đá ốp lát	1	2488979,88	550639,85	14,8	
			2	2488840,29	550746,74		
			3	2488777,07	550805,59		
			4	2488843,96	551021,72		
			5	2488722,28	551196,37		
			6	2488873,03	551325,37		
			7	2488892,64	551446,13		
			8	2489009,62	551443,56		
			9	2489010,54	551287,53		
			10	2488971,55	551139,03		
			11	2488961,62	551070,15		
			12	2488999,15	550959,64		
			13	2488991,14	550883,74		
			14	2489103,17	550810,23		
3	Mỏ cát sỏi Lòng hồ thủy điện Bản Chát thuộc xã Mường Than	Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2434429	584675	22,1	
			2	2434213	584668		
			3	2434148	584605		
			4	2433986	584579		
			5	2433674	584399		
			6	2433633	584014		
			7	2433782	583943		
			8	2433912	584338		
			9	2434333	584399		

4	Mỏ cát Sông Nậm Na, xã Phong Thổ và xã Khổng Lào	Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2498461	525911	7,9	
			2	2498381	525922		
			3	2498309	525949		
			4	2498049	526058		
			5	2497917	526146		
			6	2497669	526398		
			7	2497596	526432		
			8	2497511	526484		
			9	2497468	526548		
			10	2497424	526569		
			11	2497309	526647		
			12	2497233	526706		
			13	2497210	526767		
			14	2497202	526818		
			15	2497148	526948		
			16	2497040	527110		
			17	2496999	527074		
			18	2497086	526977		
			19	2497178	526787		
			20	2497207	526668		
			21	2497252	526611		
			22	2497489	526446		
			23	2497605	526388		
			24	2497708	526317		
			25	2497732	526278		
			26	2497856	526142		
			27	2498001	526048		
			28	2498186	525961		
			29	2498278	525937		
			30	2498369	525897		
			31	2498452	525883		
5	Mỏ cát Pa Tần 1 sông Nậm Na, xã Pa Tần	Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2485513,73	520016,16	6,94	
			2	2485218,17	519768,39		
			3	2484867,96	519715,43		
			4	2484864,64	519652,74		
			5	2485264,11	519686,52		
			6	2485611,47	519957,53		
6	Mỏ cát Pa Tần 2 sông Nậm Na, xã Pa Tần	Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2484443,76	519920,64	4,4	
			2	2484144,16	520094		
			3	2483840,2	520146,69		
			4	2483679,23	520113,4		
			5	2483531,33	520123,85		
			6	2483534,16	520084,43		
			7	2483821,13	520100,38		

			8	2484111,13	520044,98		
			9	2484391,14	519886,45		
7	Mỏ cát sông Nậm Na thuộc xã Pa Tần và xã Sìn Hồ	Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2471753,41	517173,67	15,7	
			2	2471151,37	517330,54		
			3	2470821,79	517308,98		
			4	2470544,9	517135,5		
			5	2470122,68	517184,09		
			6	2469856,93	517347,04		
			7	2469540,13	517222,9		
			8	2469317,7	516821,23		
			9	2469403,56	516783,26		
			10	2469592,68	517186,28		
			11	2469899,34	517251,26		
			12	2470107	517120,23		
			13	2470086,37	517046,92		
			14	2470112,99	517047,1		
			15	2470140,42	517119,03		
			16	2470539,45	517083,87		
			17	2470829,82	517262,49		
			18	2471142,28	517295,3		
			19	2471725,12	517134,98		